

HÌNH ẢNH “TRĂNG” TRONG THƠ THIỀN LÝ TRẦN VIỆT NAM VÀ THƠ ĐƯỜNG TRUNG QUỐC

GUAN HONGWEI*

TÓM TẮT

Thơ thiền Lý Trần và thơ Đường đều chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng Phật giáo. Cho nên, đối với một hiện tượng hoặc một đối tượng thường gặp, cảm nhận của các nhà thơ như thế nào, cách thể hiện có giống nhau hay không, tình cảm của họ ra sao... là những vấn đề mà chúng tôi rất quan tâm. Bài viết nghiên cứu thơ thiền Lý Trần và thơ Đường trong so sánh tương quan để có thể tìm ra đáp án cho những câu hỏi trên; từ đó, tìm hiểu về tư duy nghệ thuật cũng như tình cảm đối với cuộc sống của các nhà thơ.

Từ khóa: thơ thiền Lý Trần, thơ Đường Trung Quốc, tư tưởng Phật giáo, tư duy nghệ thuật.

ABSTRACT

The image of moon in Zen poetry of Ly-Tran dynasties and Tang poetry

Zen Poetry of Ly - Tran Dynasties and Tang poetry are two literature parts which played important roles in the Middle Age Literature of Vietnam and China. At the same time, these two parts of literature were deeply influenced by Buddhist thoughts. Therefore, in regard to a phenomenon or a common object, we are highly concerned about whether the poets reflected their feelings, manifestations, and emotion in the same way. Through the research and relevant comparison of the Zen Poetry of Ly - Tran Dynasty and the Poetry of Tang Dynasty, we hope to find out the answers for the above issues. Accordingly, we can learn about the artistic thinking as well as the attitude towards life of the contemporary poets.

Keywords: Zen Poetry of Ly - Tran Dynasty, Poetry of Tang Dynasty, Buddhist thoughts, Artistic thinking.

1. Đặt vấn đề

Trung Quốc và Việt Nam là hai nước láng giềng hữu nghị, có lịch sử giao lưu văn hóa lâu đời. Vào thời Lý Trần và nhà Đường, tư tưởng Phật giáo thấm sâu vào đời sống của nhân dân. Các nhà thơ

Việt Nam và Trung Quốc cũng chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo, điều này thể hiện khá rõ trong các tác phẩm của họ. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi chọn hình ảnh “trăng” làm đối tượng cố định để tìm hiểu về tư duy nghệ thuật cũng như tình cảm đối với cuộc sống của các nhà thơ đương thời.

* ThS, Công ty cổ phần Hoa Thương, TP HCM

2. Những vấn đề chung

2.1. Trăng trong nhận thức thẩm mỹ của người phương Đông

Từ xưa đến nay, trăng luôn được xem là một người bạn thủy chung của con người. Nó không chỉ trao tặng ánh sáng cho con người trong đêm, mang đến sự ấm áp và niềm an ủi cho những thân phận bất hạnh mà còn cổ vũ cho kẻ lữ hành cô đơn, quan tâm sẻ chia cùng người thất ý. Chính vì vậy, trăng gọi cho người ta những liên tưởng vô tận, dần dần hình thành văn hóa mặt trăng phương Đông phong phú và giàu sức hấp dẫn.

Trong văn hóa Trung Quốc lẫn Việt Nam, từ ngàn đời nay, mặt trăng chưa bao giờ là một vật thể bình thường. Nó hiện diện trong tâm tưởng, suy nghĩ của con người cùng với rất nhiều huyền thoại, chứa đựng những thông tin về văn hóa nguyên thủy sâu sắc. Nó cũng là sự kết tinh truyền thống, bản sắc độc đáo của hai dân tộc từ lâu đời. Con người ở xã hội nguyên thủy từng thờ cúng mặt trăng để cầu xin được che chở. Về sau, con người lại xem mặt trăng là biểu trưng cho tình cảm với nhiều cung bậc khác nhau. Tình cảm này đã được thể hiện rất nhiều trong văn học cả ở Trung Quốc lẫn Việt Nam. Vì thế, khi nghiên cứu thơ thiền Lý Trần Việt Nam với thơ Đường Trung Quốc, lấy “trăng” làm đối tượng trung tâm để khảo sát, phân tích và so sánh, chúng ta có thể hiểu và cảm nhận được những tình cảm cũng như xúc cảm thẩm mỹ độc đáo của các nhà thơ đối với đối tượng đặc

biệt này.

2.2. Thời Lý Trần và thời nhà Đường – những điều kiện lịch sử - văn hóa

Nhà Đường với nhà Lý và nhà Trần đều là những triều đại hùng mạnh trong lịch sử hai nước. Ở các triều đại này, kinh tế phồn vinh, xã hội ổn định, văn hóa nghệ thuật đạt được những thành tựu huy hoàng, nền văn hóa có những bước phát triển mạnh mẽ.

Cũng như thời Lý Trần ở Việt Nam, thời nhà Đường ở Trung Quốc, rất sùng thượng Phật giáo. Hai thời đại này ở hai nước đã xuất hiện những cao tăng lẫy lừng danh tiếng chốn thiền lâm. Trong lĩnh vực văn hóa vật chất cũng như văn hóa tinh thần của hai nước đều có dấu ấn của Phật giáo khá đặc sắc và rõ nét.

Hơn nữa, thời nhà Đường và thời Lý Trần đều là những thời kì quan trọng trong lịch sử giao lưu văn hóa giữa Trung Quốc và Việt Nam. Sau nhà Đường, năm 938, Việt Nam xây dựng chính quyền độc lập. Tiếp theo, chưa đầy một thế kỉ là đến nhà Lý, nhà Trần. Cho nên, kể về thời gian hay tính liên tục văn hóa, các triều đại này đều gắn liền với nhau.

2.3. Phân loại hình ảnh trăng trong thơ thiền Lý Trần và thơ Đường

Sau khi khảo sát quyển Thơ Đường 300 bài, chúng tôi nhận thấy, trong tất cả 311 bài thì có 64 bài có hình ảnh trăng; khảo sát quyển “Thơ văn Lý Trần” tập 1 (136 bài) và tập 2 (361 bài), trong số 497 bài thơ, văn, có 40 bài thơ thiền có hình ảnh trăng.

2.3.1. Những quan điểm triết học và mỹ học Thiền tông

* Ngôn bất tận ý

Ngôn bất tận ý là một mệnh đề quan trọng trong lịch sử văn hóa phương Đông. Nhà nho có “Thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý”, Lão Trang có “Đạo khả đạo, phi thường đạo”, “Sở khả đạo giả, ý chi thô dã; bất khả đạo giả, ý chi tinh dã”. Nói về Thiền tông, có câu chuyện: “Phật tổ đưa lên một cành hoa, Ca Diếp lặng lẽ mỉm cười” và tôn chỉ “Chẳng lập văn tự, thấy tánh thành Phật”. Các trường phái triết học đều đã lĩnh hội cái cảm ngộ khó có thể biểu đạt bằng ngôn từ, mà trạng thái cảm ngộ này chính là sự theo đuổi của họ, cho nên, họ cần lựa chọn một số hình ảnh biểu tượng trong cuộc sống để bày tỏ cảm ngộ/ cảm xúc về số mệnh và sự thăng hoa của tình cảm.

* Nhị nhập tứ hạnh

Bồ Đề Đạt Ma cho rằng, phạm vào đạo, suy cho cùng không ngoài hai đường “lí nhập” và “hạnh nhập”. Lí nhập là mượn “giáo” để ngộ vào “tông”, nghiêng về lí luận nhiều hơn; còn hạnh nhập hướng dẫn người ta áp dụng giáo lí vào cuộc sống hàng ngày, nghiêng về thực tiễn nhiều hơn. Lí nhập và hạnh nhập mang ý nghĩa triết học giống nhau và không thể tách rời, sở dĩ chia thành hai cái chỉ vì mong muốn cho người học thiền dễ hiểu hơn. Lí nhập kết hợp với hạnh nhập chính là giáo nghĩa lí luận kết hợp với thực tiễn của thiền pháp.

Hạnh nhập bao gồm bốn hạnh: Báo

oán hạnh, Tùy duyên hạnh, Vô sở cầu hạnh và Xứng pháp hạnh.

Báo oán hạnh nói về việc con người nên đối mặt với cảnh khổ như thế nào, khuyên răn người ta biết nhẫn nhục chịu khổ, nên lấy cảnh khổ để tu đạo và không nên oán trách.

Tùy duyên hạnh nói về hạnh tùy thuận theo duyên nghiệp, tâm người không nên vì được mất mà sướng vui hay đau khổ, mà nên có tâm lí lành mạnh trước những đau khổ, buồn vui.

Vô sở cầu hạnh nhấn mạnh nên cai tham dục: “Còn cầu còn khổ, hết cầu mới được vui”, nên lấy giải thoát cuối cùng của cuộc đời làm mục đích.

Cả ba hạnh nói trên đều là tu hạnh về mặt đạo đức và tâm lí trên thế gian, làm cho tư tưởng Thiền tông giàu ý nghĩa cuộc sống, giúp con người có thể tu thiền ngay trong cuộc sống, hân thưởng thiền pháp, để cho cuộc sống gắn bó chặt chẽ với niềm vui của sự giải thoát.

Cả ba hạnh đều được quy về Xứng pháp hạnh.

Xứng pháp hạnh thì khó có thể giải thích một cách trực quan như ba hạnh trước mà có phần mang tính trừu tượng. Có thể hiểu đó là khi chúng ta nhận ra mình có thể tánh thanh tịnh, cái thể tánh thanh tịnh này thường hằng, không sinh không diệt, còn được gọi là Lí hay Pháp. Nếu chúng ta làm tất cả mọi việc, tu tất cả hạnh mà đều trở về phù hợp với thể tánh thanh tịnh ban đầu thì gọi là Xứng pháp hạnh. Xứng pháp hạnh dựa trên cơ

sở nhận thức và thực hành phải phù hợp nhau. Mỗi người, nếu tu được Xứng pháp hạnh là có thể trở về với bản tâm, tức thể tính thanh tịnh ban đầu.

**Hư vô quan của Thiền tông*

Hư vô quan của Thiền tông có thể trích từ một câu chuyện: “Khi xưa, Ngũ Tổ định chọn người kế ngôi Tổ. Tổ bảo cho các môn đồ rằng vị nào có thể tỏ ra đạt đạo, Tổ sẽ truyền áo pháp cho để làm Tổ thứ sáu. Lúc ấy, Thần Tú, người được đồ chúng xem là học cao nhất và xứng đáng nhất được hưởng vinh dự này, đã làm một bài kệ rằng:

Thân là bỏ để cội

Tâm như gương sáng đài

Giờ giờ siêng phải quét

Chớ để nhuộm trần ai.

Tuy nhiên bài kệ trên chưa mang lại được áo pháp cho người sáng tác, Ngũ Tổ đã truyền áo pháp cho Huệ Năng vì bài kệ này của ông:

Bồ đề vốn không cội

Gương sáng cũng không đài

Nguyên chẳng có một vật

Sao gọi phải trần ai.

Bài kệ trên thể hiện một cách đầy đủ về ý nghĩa chính của hư vô quan/ hư vô luận Thiền tông, tức là: có cũng là không, không cũng là có; nội tâm là không, nhưng trong nội tâm lại chứa đựng vạn vật, vạn vật lại là không.

Bất cứ là “bồ đề” hay là “gương sáng” đều chỉ là thí dụ nói về nội tâm, có thể dùng thí dụ này để giải thích bản chất của thiền mà người ta đang theo đuổi.

Nội tâm rõ ràng là nơi đầu tiên sinh ra vạn vật, cho nên được người tu thiền gọi là “không”, nhưng để tránh khỏi có người hiểu rằng là hư vô, cho nên gọi nội tâm là “chân không”. Cái “chân không” này thực sự chứa đựng vạn vật và sáng tạo ra vạn vật, cho nên vạn vật cũng chứa đựng tất cả đặc tính một cách bình đẳng của “chân không”, như vậy cũng chứng minh được về sự tồn tại của nó.

2.3.2. Phân loại hình ảnh trăng trong thơ thiền Lý Trần và thơ Đường

Khảo sát những tài liệu nêu trên, hình ảnh trăng trong thơ thiền Lý Trần và thơ Đường được chúng tôi phân loại như sau:

- *Trăng là hình ảnh thiên nhiên đơn thuần:* thơ thiền Lý Trần (10 bài), thơ Đường (32 bài)

- *Trăng như một biểu tượng trong triết học Thiền tông:*

Ngôn bất tận ý: thơ thiền Lý Trần (3 bài), thơ Đường (5 bài);

Nhị nhập tứ hạnh: thơ thiền Lý Trần (6 bài), thơ Đường (4 bài);

Hư vô quan: thơ thiền (8 bài), thơ Đường (2 bài).

- *Trăng là phương tiện giúp nhà thơ bày tỏ tâm trạng, cảm xúc:*

Trực tiếp: thơ thiền Lý Trần (7 bài), thơ Đường (4 bài);

Gián tiếp: thơ thiền Lý Trần (6 bài), thơ Đường (17 bài)

3. So sánh hình ảnh trăng trong thơ thiền Lý Trần và thơ Đường về phương diện nội dung, ý nghĩa và nghệ

thuật thể hiện

Về phương diện nội dung, ý nghĩa, chúng tôi tập trung phân tích tác dụng của hình ảnh trăng trong các bài thơ và ý muốn, tình cảm của các nhà thơ muốn thông qua hình ảnh trăng để bày tỏ. Còn ở phương diện nghệ thuật thể hiện, chúng tôi phân tích về nội hàm và ngoại diên của mặt trăng; trong đó, nội hàm là trạng

thái của mặt trăng xuất hiện trong bài thơ, ngoại diên là sự liên hệ giữa hình ảnh trăng với các cảnh vật khác.

Vì độ dài của bài viết có giới hạn, không thể so sánh tất cả loại hình ở đây, chúng tôi chỉ so sánh “ngôn bất tận ý” như là một đại diện. Nếu người đọc quan tâm, muốn tìm hiểu về các loại hình khác, xin tìm đọc thêm [8].

3.1. Những điểm tương đồng và dị biệt trong loại hình “ngôn bất tận ý”

Ngôn bất tận ý					
	Tên bài thơ	Tác dụng của hình ảnh trăng	Ý muốn, tình cảm muốn bày tỏ	Trạng thái mặt trăng (nội hàm)	Các cảnh vật khác (ngoại diên)
3 bài thơ thiên	Nhật nguyệt	Cảnh vật chứa đựng thiên lí	Qua hình ảnh trăng, ngộ thiên và tìm chính mình	Sáng ngời	Cây trúc, hoa vàng, mây trắng
	Thị tu Tây phương bôi	Cảnh vật chứa đựng thiên lí	Qua hình ảnh trăng, ngộ thiên và tìm chính mình	Cô đơn	Bầu trời
	Đăng Báo Đài sơn	Cảnh vật chứa đựng thiên lí	Qua hình ảnh trăng, ngộ thiên và tìm chính mình	Sáng ngời	Lan can, sáo ngọc
5 bài thơ Đường	Dạ bạc Ngưu Chử hoài cổ	Cảnh vật giúp bày tỏ tình cảm	Buồn bã, tri âm khó tìm	Thu nguyệt (sáng vàng vặc, cô đơn)	Bầu trời
	Vãn thứ Ngạc Châu	Cảnh vật giúp bày tỏ tình cảm	Buồn bã, tha thiết, muốn sớm về nhà	Thu nguyệt (sáng vàng vặc)	Cảnh sắc mùa thu
	Bát nguyệt thập ngũ dạ tặng Trương Công Tào	Cảnh vật giúp bày tỏ tình cảm	Buồn bã, bị phê chức	Nguyệt như nước, (trong sạch, sáng lung linh)	Gió mát, bầu trời

	Trường tượng tư	Cảnh vật giúp bày tỏ tình cảm	Buồn bã, nhớ người đẹp, lí tưởng chưa thực hiện được		Bầu trời, mây
	Quan Công Tôn đại nuơng đệ tử vũ kiếm khí hành	Cảnh vật giúp bày tỏ tình cảm	Buồn bã, tiếc một thời thịnh vượng đã qua		Bầu trời

3.2. Ý nghĩa của sự tương đồng và dị biệt về mặt cảm hứng nghệ thuật (phương diện nội dung, ý nghĩa)

- Về sự tương đồng:

Hình ảnh trăng xuất hiện trong tất cả thơ thiền Lý Trần và thơ Đường về mặt ý nghĩa chỉ có 2 phương thức, một là hình ảnh thiên nhiên đơn thuần, 2 là biểu trưng về một sự vật nào đó. Nhưng trong phần “ngôn bất tận ý”, trăng được miêu tả trong tất cả 8 bài thơ thiền Lý Trần và thơ Đường đều là hình ảnh thiên nhiên đơn thuần.

Tuy không trở thành biểu trưng, nhưng hiện tượng này chứng tỏ rằng vào thời kì đó, do ảnh hưởng của Phật giáo, mặt trăng thật sự đã trở thành một vật thể đặc biệt và mang ý nghĩa biểu trưng riêng biệt đối với các nhà thơ phương Đông.

- Về sự dị biệt:

Dị biệt 1: Tác dụng của hình ảnh trăng giữa 3 bài thơ thiền và 5 bài thơ Đường khác nhau.

Qua so sánh, chúng tôi nhận thấy trăng trong 3 bài thơ thiền Lý Trần tuy là hình ảnh thiên nhiên, nhưng đồng thời

cũng chứa đựng thiên lí mà nhà thơ muốn bày tỏ. Còn trăng xuất hiện trong thơ Đường trở thành phương tiện bày tỏ tình cảm của nhà thơ. Cả 5 bài ngôn bất tận ý có hình ảnh trăng đều là thể hiện nỗi buồn của nhà thơ.

Dị biệt 2: Ý muốn hoặc tình cảm thông qua hình ảnh trăng được biểu đạt khác nhau.

Do bản thân đạo lí thiền không giống như kinh Phật (được ghi trên sách) mà cần người tu thiền tự chứng ngộ, nên dưới ngòi bút của các nhà thơ thiền Lý Trần, hình ảnh trăng đã trở thành phương tiện có sức khơi gợi để giúp người ta tự giác ngộ.

Nhà thơ thời Đường muốn thông qua hình ảnh trăng giải bày tâm trạng phiền muộn của mình, nhưng rất thú vị là trong tất cả 5 bài thơ xuất hiện 5 dạng cảm xúc đau buồn khác nhau, cụ thể là:

- Tâm trạng buồn bã vì khó có thể gặp được một tri âm:

Đãng chu vọng thu nguyệt,

Không ước Tạ tướng quân.

(Đạ bạc Ngưu chữ hoài cổ - Lý

Bạch)

- Tâm trạng buồn bã vì nhớ quê nhà:
*Tam Tương sầu mãn phùng thu sắc,
Vạn lí qua tâm đối nguyệt minh.*

(*Vãn thứ Ngạc Châu – Lu Luân*)

- Tâm trạng buồn bã vì bị phế chức:
*Tiêm vân tứ quyển thiên vô hà,
Thanh phong xuy không nguyệt thứ
ba.*

...

*Nhất niên minh nguyệt kim tiêu đã,
Nhân sinh do mệnh phi do tha,
Hữu tửu bất ẩm nại minh hà?*

(*Bát nguyệt thập ngữ dạ tặng*

Trương Công Tào – Hàn Dũ)

- Tâm trạng buồn bã vì nhớ người đẹp: Trong thơ cổ Trung Quốc, người ta thường sử dụng hình ảnh “người đẹp” (mĩ nhân) để ví với lí tưởng tốt đẹp; vì vậy, cũng có thể hiểu là qua hình ảnh trăng, nhà thơ muốn bày tỏ tâm trạng buồn bã về lí tưởng chưa được thực hiện.

Cô đãng bất minh tứ dục tuyết,

*Quyển duy vọng nguyệt không
trường than.*

(*Trường tương tư – kì 1 – Lý Bạch*)

- Tâm trạng buồn bã khi nhớ về một thời thịnh vượng đã qua:

*Đại diên cấp quản khúc phục
chung,*

Lại cục ai lai nguyệt đông xuất.

(*Quan Công Tôn đại nương đệ tử
vũ kiếm khí hạnh – Đỗ Phủ*)

3.3. Ý nghĩa của sự tương đồng và dị biệt về tư duy nghệ thuật và phong cách nghệ thuật (phương diện nghệ thuật thể

hiện)

- *Về sự tương đồng:*

Trong nhóm “ngôn bất tận ý”, 8 bài thơ trong khi sử dụng hình ảnh trăng thì cũng đồng thời đề cập tới một số cảnh vật khác, nhưng quan hệ giữa chúng với trăng là khác nhau.

Có khi tác dụng của chúng tương đương với hình ảnh trăng, chẳng hạn như:

*Thúy trúc, hoàng hoa, phi ngoại
cảnh,*

*Bạch vân, minh nguyệt, lộ toàn
chân.*

(*Nhật nguyệt – Thiên Lão*)

Trong bài này, trúc, hoa, mây, trăng đều giúp người ta quan sát nội tâm mình và ngộ ra thiên lí, quan hệ giữa chúng là đồng đẳng.

Nhưng đa phần tác dụng của các cảnh vật khác là phục vụ cho hình ảnh trăng, làm cho nó nổi bật lên, ví dụ:

*Trường không chỉ kiến cô luân
nguyệt,*

Sát hải trùng trùng dạ mạn thu.

(*Thị tu Tây phương bối – Trần Tung*
(tức “Tuệ Trung thượng sĩ”))

Thanh thiên vô phiến vân.

Đặng chu vọng thu nguyệt.

(*Dạ bạc Ngưu chữ hoài cổ – Lý
Bạch*)

Hai bài thơ trên, ngoài hình ảnh trời chỉ có mặt trăng, không có các cảnh vật khác. Tác giả muốn vẽ bầu trời để làm nổi bật hình ảnh trăng.

- *Về sự dị biệt*

Về nội hàm, tức trạng thái của hình ảnh trăng, cả 3 bài thơ thiền Lý Trần đều có. Theo chúng tôi, mặt trăng trong nhóm “ngôn bất tận ý” là sự vật chứa đựng đạo lí thiền, vì đạo lí thiền là “bất khả tư nghị”, phải yêu cầu người ta tự chứng ngộ, cho nên, trạng thái của hình ảnh trăng trong 3 bài này đều là chỉ ra hướng để người ta tìm thấy giác ngộ, cụ thể:

Thúy trúc, hoàng hoa, phi ngoại cảnh,

Bạch vân, minh nguyệt, lộ toàn chân.

(*Nhật nguyệt* – Thiền Lão)

Ý thơ chỉ ra chân lí không đâu xa mà giản dị gần gũi, ở ngay trước mắt, như ánh trăng sáng ngời trong phút giây này.

Trường không chỉ kiến cô luân nguyệt,

Sát hải trừng trừng dạ mạn thu.

(*Thị tu Tây phương bối* – Trần Tung)

Hình ảnh thơ ở đây là một vầng trăng sáng vằng vặc, cô đơn giữa bầu không bao la, gợi sự cảm nhận về cái chân lí duy nhất, tuyệt đối và thường hằng.

Ỗ lan hoành ngọc địch,

Minh nguyệt mãn hung khâm.

(*Đăng Bảo Đài sơn* – Trần Tung)

Hai câu cuối bài thơ đúc kết lại bằng hình ảnh ánh trăng sáng ngời tràn ngập cả người đứng ngắm trăng và làm bừng sáng tâm hồn người.

Điều thú vị là trạng thái của hình

ảnh trăng thể hiện trong 3 bài thơ Đường cũng không ngoài phạm vi “sáng ngời” và “cô đơn”. Điều này chứng tỏ rằng ý nghĩa hình ảnh của mặt trăng rất là thống nhất trong suy nghĩ của nhà thơ thiền Lý Trần lẫn thơ Đường khi họ muốn vay mượn hình ảnh này để thể hiện “ngôn bất tận ý”. Nhưng cũng có hai bài thơ Đường, trong đó mặt trăng không thể hiện ra trạng thái nào cả. Theo chúng tôi là, vì mặt trăng trong thơ Đường chỉ là giúp nhà thơ bày tỏ tình cảm, bản thân nó không chứa đựng ý nghĩa đạo lí sâu sắc, cho nên nhà thơ cũng không cần thiết nêu ra hướng suy nghĩ của mình vào cái đó. Đây là một điểm khác biệt thú vị.

4. Kết luận

Từ sùng bái tự nhiên nguyên thủy tới tư tưởng Thiền tông, theo sự diễn tiến của lịch sử, những nội hàm của văn hóa mặt trăng không ngừng sâu sắc thêm, đồng thời ngoại diên của nó cũng được không ngừng mở rộng. Nghiên cứu hình ảnh trăng trong thơ Đường và thơ thiền Lý Trần, chúng tôi nhận thấy, ở thời đại này, tư tưởng Thiền tông cực kỳ thịnh đạt. Các thiền sư, cư sĩ và nhà thơ thường sử dụng hình ảnh trăng ví như Phật tính. Dù trăng tròn, trăng khuyết, trăng non, trăng tàn, hoặc là trăng bên cạnh mây, trăng trong nước... đều giúp tác giả thể hiện thế giới nội tâm phong phú, phác họa những thăng trầm của cuộc đời mà họ trải nghiệm. Họ sử dụng những đặc tính của hình ảnh trăng để thể nghiệm tự nhiên trước mắt một cách bình thản, thể nghiệm

loạn lạc của thế gian, những buồn vui tan hợp của cuộc đời, để rồi cuối cùng giác ngộ quá khứ và tương lai trong vũ trụ. Nếu chúng ta thừa nhận rằng thơ Đường và thơ thiền Lý Trần đều là những viên

ngọc vô giá trong kho tàng văn học hai nước, thì hình ảnh trăng được sử dụng trong hai loại thơ này có thể xem như đóng vai trò “vẽ rồng điểm mắt”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Daiseiz Teitaro Suzui (1992), *Thiền luận*, quyển thượng, Nxb TP HCM.
2. Đoàn Thị Thu Vân (1996), *Thơ thiền Việt Nam thời Lý Trần – khảo sát từ góc độ nghệ thuật*, Chuyên đề cao học Đại học Sư phạm TP HCM.
3. Hành Đường Thoái Sĩ (tuyển chọn) (1999), *Thơ Đường 300 bài*, Nxb Sách cổ Thượng Hải.
4. Hành Đường Thoái Sĩ (2001), *Thơ Đường 300 bài*, Nxb Nhân dân Diên Biên.
5. Hành Đường Thoái Sĩ (tuyển chọn) (2010), *300 bài thơ Đường*, Nxb Văn học.
6. Nguyễn Huệ Chi, Đỗ Văn Hỷ, Trần Thị Băng Thanh, Phạm Tú Châu (1978), *Thơ văn Lý - Trần (I)*, Nxb Khoa học xã hội – Viện Văn học.
7. Nguyễn Huệ Chi, Đỗ Văn Hỷ, Trần Thị Băng Thanh, Phạm Tú Châu (1988), *Thơ văn Lý - Trần (II)*, Nxb Khoa học xã hội – Viện Văn học.
8. Quán Hồng Vĩ (2012), *Hình ảnh trăng trong thơ thiền Lý Trần Việt Nam và thơ Đường Trung Quốc*, Luận văn Thạc sĩ Khóa 19, chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm TP HCM.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-4-2013; ngày phản biện đánh giá: 29-4-2013;
ngày chấp nhận đăng: 21-5-2013)